

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày 28- 02 - 2025
V/v: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn với người mất tích ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Thoa
2. Ông Hoàng Văn Lược

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân (viết tắt: TAND thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở TAND thị xã Bỉm Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 03/2025/ TLST- HNGĐ ngày 15/01/2025 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh [Lê Văn P](#), sinh năm 1988

Nơi thường trú: [SN B đường L, Khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Chị [Trần Thị T](#) - sinh năm 1991

Nơi cư trú cuối cùng: [SN B đường L, Khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2025 và bản tự khai nguyên đơn- anh [Lê Văn P](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị [Trần Thị T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND phường N, thị xã B](#) năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm sống nên khoảng tháng 6 năm 2018 vợ anh ([Trần Thị T](#)) đã bỏ nhà đi không cho gia đình biết rõ ở đâu, làm gì. Mặc dù gia đình anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không ai có tin tức gì, anh có dò hỏi anh em họ hàng bên nhà vợ nhưng không có thông tin gì của chị [T](#); bản thân chị [T](#) cũng không liên lạc với gia đình anh. Nay thời gian chị [T](#) bỏ nhà đi đã lâu, vắng mặt tại địa phương đã 6 năm nay không biết đi đâu, làm gì. Gia đình anh có báo cáo với chính quyền địa phương để nhờ can thiệp tìm kiếm nhưng không có tin tức chị [T](#) ở đâu nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị [T](#). Ngày 17/12/2024 TAND thị xã Bim Sơn đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2024/QĐST-VDS ngày 17/12/2024 tuyên bố chị [Trần Thị T](#) mất tích. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Trần Thị T](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: [Lê Bảo N](#) (nữ), sinh ngày 10/01/2015, cháu thứ hai là [Lê Thị Bảo L](#) (nữ), sinh ngày 16/12/2016. Nếu ly hôn anh xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu chị [T](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của ông [Trần Anh D](#) trưởng [khu phố B, phường N](#) trình bày:

Vợ chồng anh [Lê Văn P](#) và chị [Trần Thị T](#) là hộ gia đình có đăng ký thường trú tại [khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#). Tuy nhiên từ khi ông được bầu làm trưởng [khu phố B](#), ông đã không thấy chị [T](#) sinh sống cùng anh [P](#) tại nơi cư trú của họ. Qua tìm hiểu bà con khu phố ông được biết vợ chồng có mâu thuẫn, chị [T](#) đã bỏ đi từ lâu, còn cụ thể vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề gì, mức độ ra sao thì ông không biết, do công dân không báo cáo, chị [T](#) đã bị Toà án tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Toà án đã thực hiện việc niêm yết quyết định tuyên bố chị [T](#) mất tích. Từ đó đến nay chị [T](#) vẫn chưa về địa phương sinh sống và hiện không có mặt tại nơi cư trú cùng với anh [P](#).

Vì chị [Trần Thị T](#) đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh [Lê Văn P](#) có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, chị [Trần Thị T](#) đã bị Tòa án đã tuyên bố mất tích. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh [Lê Văn P](#) và chị [Trần Thị T](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Lê Văn P](#)

- Về hôn nhân: Xử cho anh [Lê Văn P](#) được ly hôn với chị [Trần Thị T](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Lê Bảo N](#) (nữ), sinh ngày 10/01/2015 và cháu [Lê Thị Bảo L](#) (nữ), sinh ngày 16/12/2016 cho anh [Lê Văn P](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị [Trần Thị T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: anh [P](#) không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc anh [Lê Văn P](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh [Lê Văn P](#) khởi kiện yêu cầu TAND thị xã Bim Sơn giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Trần Thị T](#), chị [T](#) đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2024/QĐST- VDS ngày 17/12/2024 của TAND thị xã Bim Sơn. Vì vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với người mất tích”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại [phường N, thị xã B](#). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu của anh [Lê Văn P](#) HĐXX thấy:

Về hôn nhân: Anh [P](#) và chị [T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Ngọc Trạo, [thị xã B](#) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì cãi nhau, bất đồng quan điểm sống nên khoảng tháng 6 năm 2018 vợ anh ([Trần Thị T](#)) đã bỏ nhà đi không cho gia đình biết rõ ở đâu, làm gì. Mặc dù gia đình đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không ai có tin tức gì, ở đâu, bản thân chị [Trần Thị T](#) cũng không liên lạc với gia đình anh. Mặc dù anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không biết chị [T](#) làm gì. Ngày 17/12/2024 TAND thị xã Bim Sơn đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 05/2024/QĐST- VDS ngày 17/12/2024 tuyên bố chị [Trần Thị T](#) mất tích. Vì vậy, anh [P](#) làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Trần Thị T](#). HĐXX xét thấy yêu cầu của anh [P](#) là hoàn toàn chính đáng, chị [T](#) đã bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay không tin tức, thời gian vợ chồng xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh [P](#) yêu cầu Tòa án

giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh P xử cho anh P được ly hôn với chị T là phù hợp.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là: Lê Bảo N (nữ), sinh ngày 10/01/2015, cháu thứ hai là Lê Thị Bảo L (nữ), sinh ngày 16/12/2016. Nếu ly hôn anh P xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy: chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay hai cháu đang ở cùng anh P tại khu phố B, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Cháu N và cháu L đều có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy, cần giao 2 cháu N và L cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về tài sản: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P

- Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn P được ly hôn với chị Trần Thị T

- Về con cái: Giao hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Bảo N (giới tính: nữ), sinh ngày 10/01/2015 và cháu Lê Thị Bảo L (giới tính: nữ), sinh ngày 16/12/2016 cho anh Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh P trực tiếp nuôi con mà chị T trở về, nếu con chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí ly hôn sơ thẩm: anh Lê Văn P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai thu số: 0004673 ngày 15/01/2025. Như vậy, anh Lê Văn P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Lê Văn P và chị Trần Thị T. Anh P, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bim sơn;
- Dương sự;
- THA Dân sự TX Bim sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Ngọc Trạo (25/11/2013);
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**